TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 202/2018/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 14 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1332/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đường D, Khu phố E, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1981.

HKTT: Đường D, Khu phố E, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Quốc lộ B, Khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1984 và ông Trần Văn T2, sinh năm: 1981.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Đăng K1 (nam), sinh ngày 05/01/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Trần Nguyễn Minh K2 (nam), sinh ngày 07/5/2007 cho ông Trần Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1, ông T2 không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

2.2/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3/ Nợ chung: Không có.

2.4/ Lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Trần Văn T2 phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà bà T1 ông T2 đã nộp theo biên lai thu số 0037857 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 ông T2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- UBND P. Trường Thọ;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Thanh